

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 17/3/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
và chia tài sản chung.

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Chung Văn Kết

2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm, thụ lý số 13/2021/TLPT-DS ngày 08/6/2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Phương Q, sinh năm 1981; (Có mặt)

Địa chỉ: 74, khóm C, phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: 406 đường A, phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Văn T, Đoàn LS Tp.HCM (Có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Đức L (Lũy), sinh năm 1981; (Có mặt)

Địa chỉ: 74, khóm C, Phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Nguyễn Duy S, Đoàn LS tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn CT.

Trụ sở: 2C PĐC, Quận X, Tp.HCM.

2/ Bà Dương Thị Thanh Ng, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Paganistraat 90 2901 KG C aan den U, Hà Lan.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Phương H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 491A/46, LVS , phường X, quận Y, Tp.HCM. (Có mặt)

3/ Ông Nguyễn Quang H1, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Ông Dương Đức L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn bà Dương Thị Phương Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L kết hôn tự nguyện, được UBND phường 8, thành phố Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2011, Quyền số 02/2009 ngày 22/02/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn, là do trong thời gian chung sống ông L thường xuyên uống rượu không lo cho gia đình, năm 2017 bà phát hiện ông L có quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông L thường xuyên đánh bà. Nay bà xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và bà đã sống ly thân với ông L từ tháng 10 năm 2019 đến nay, nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung gồm: Dương Minh T1, sinh ngày 19/6/2011 và Dương Minh Tr, sinh ngày 09/02/2016, hiện hai cháu đang sống với bà Q, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng/tháng/con.

Về tài sản chung gồm:

Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 15.559m² tại các thửa 466, 468 và 469, tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công T2 năm 2011 với giá chuyển nhượng 160.000.000đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông bà cùng đứng tên. Qua đo đạc thực tế diện tích 15.247,6m² thuộc các thửa 466, 468 và 469.

Phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 5.237m² tại thửa 433, tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quang H1 năm 2018 với giá chuyển nhượng 100.000.000đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Quang H1 đứng tên, nhưng ông bà chưa làm thủ tục trước bạ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đo đạc thực tế diện tích 5.195,7m² thuộc thửa

433, tờ bản đồ số 02.

Một chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 do ông L đứng tên đăng ký, hiện bà Q đang quản lý, sử dụng, ông bà thống nhất tự định giá trị chiếc xe hiện nay là 200.000.000đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn CT (Saigonbank) – Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 400.000.000đồng, theo HĐ tín dụng ngày 14/11/2019, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, phân bón, thời hạn vay 24 tháng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là phần đất diện tích 15.559m², theo hợp đồng thế chấp tài sản số 5HB/HĐTC-2017 ngày 16/11/2017 và chiếc xe tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 theo hợp đồng thế chấp số 57HB/HĐTC-2017 ngày 16/11/2017.

Ngoài ra, có vay của bà Dương Thị Thanh Ng, đang định cư tại Hà Lan số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, bà Ng chuyển tiền vào tài khoản của ông L nhận, nên bà yêu cầu ông L cùng có trách nhiệm giao trả khoản vay này cho chị Ng.

Theo đơn và lời khai của ông Dương Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q, lý do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, việc bà Q xác định anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không đúng.

Về con chung: Thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung như bà Q nêu, ông yêu cầu mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, không ai cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung: Thống nhất với bà Q đối với diện tích 15.559m² tại các thửa 466, 468 và 469, tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 5.237m² tại thửa 433, tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, một chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 giá trị chiếc xe hiện nay là 200.000.000đồng.

Ngoài ra, ông còn xác định thêm các tài sản gồm:

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp Phương Diệu do bà Q đứng tên giấy phép kinh doanh, khi bà Q dọn đi nơi khác không báo với ông, tổng giá trị hàng hóa tại thời điểm dọn đi và công sức đóng góp của anh vào cơ sở kinh doanh là 1.000.000.000đồng, trong đó giá trị hàng hóa là 800.000.000đồng và công sức đóng góp là 200.000.000đồng.

Ba lượng vàng 24k được gia đình bên chồng cho trong ngày cưới, hiện bà Q

đang quản lý.

Một dây chuyền trọng lượng 6 chỉ vàng 18k là tài sản riêng của ông, sau ngày cưới ông đưa cho bà Q cất giữ, nay ông yêu cầu trả lại, nhưng sau đó ông rút lại yêu cầu này.

Về nợ chung gồm: Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT là đúng, nhưng khoản tiền vay của bà Ng thì anh không có vay, mượn tiền của bà Ng, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị Q.

Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT do ông Tạ Duy Ph đại diện trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn CT (Saigonbank) Chi nhánh Bạc Liêu có cho bà Q ông L vay số tiền 400.000.000đồng, theo HĐ tín dụng số 150HB/2019/HĐTDHM-CN ngày 14/11/2019, mục đích vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, phân bón, thời hạn vay 24 tháng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là phần đất diện tích 15.559m² đất nuôi trồng thủy sản, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 5HB/HĐTC-2017 ngày 16/11/2017 và chiếc xe tải biển kiểm soát 94C-035.91 theo hợp đồng thế chấp số 57HB/HĐTC-2017 ngày 16/11/2017, thời hạn trả dứt vốn vay là ngày 15/5/2020. Từ khi vay đến nay vợ chồng bà Q, ông L trả lãi đầy đủ, không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến nay HĐ tín dụng này chưa đến hạn thanh toán vốn vay, nên phía ngân hàng không yêu cầu tắt toán hợp đồng. Tuy nhiên, ông bà đang ly hôn chia tài sản chung này đang thế chấp, nên ngân hàng yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả cho ngân hàng trước khi phân chia tài sản chung theo quy định.

Theo đơn và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Thanh Ng trình bày:

Năm 2017, do vợ chồng bà Q cần vốn làm ăn nên có hỏi vay tiền của bà, ngày 21/8/2017 bà cho vợ chồng bà Q vay số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 năm tính từ 21/8/2017, bà chuyển một lần 500.000.000đồng vào tài khoản ngân hàng của ông L. Từ khi nhận tiền vay đến nay vợ chồng bà Q chưa đóng lãi và trả vốn cho chị.

Nay bà Q, ông L ly hôn, bà yêu cầu bà Q, ông L cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn vay và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đã tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa bà Dương Thị Phương Q và ông Dương Đức L. Xử cho chị Dương Thị Phương Q được ly hôn với

anh Dương Đức L.

2/ Về con chung và cấp dưỡng: Giao các con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 19/6/2011 và Dương Minh Tr, sinh ngày 09/02/2016 cho bà Dương Thị Phương Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Dương Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Dương Minh T1 và Dương Minh Tr mỗi con chung số tiền 1.500.000đồng/tháng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Ông Dương Đức L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được quyền cản trở, trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con thì bà Dương Thị Phương Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Ông Dương Đức L có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3/ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Đức L đối với chị Dương Thị Phương Q về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Chia cho ông Dương Đức L:

Phần đất diện tích 15.247,6m² tại các thửa 466, 468, 469, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh như sau: Cạnh hướng Đông giáp kênh Ba Bình có số đo 78,23m; Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Dương Tấn Đ có số đo lần lượt là 70,77m + 22,77m; Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Dương Tấn Đ và một phần thửa 440 có số đo lần lượt là 149m + 24,41m; Cạnh hướng Bắc giáp một phần thửa 438, 433, 432 và 467 có số đo lần lượt là 52,70m + 39,14m + 73,29m.

Phần đất diện tích 5.195,7m² tại thửa 433, tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh như sau: Cạnh hướng Đông giáp thửa 432 và một phần thửa 467 có số đo 91,36m; Cạnh hướng Tây giáp thửa 438 có số đo 88,76m; Cạnh hướng Nam giáp một phần thửa 466, 467, 468, 469 có số đo lần lượt là 39,14m + 19,86m; Cạnh hướng Bắc giáp phần đất ông Huỳnh Văn H2 có số đo 56,49m.

Mặt bằng hiện trạng hai khu đất lập ngày 20/8/2020 được kèm theo bản án và là bộ phận không thể tách rời của bản án.

Chia cho bà Dương Thị Phương Q:

Một chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 do ông L đứng tên đăng ký, bà Q đang quản lý được tiếp tục quản lý, bà Dương Thị Phương

Q có quyền đăng ký, sang tên chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 theo quy định pháp luật.

Giá trị phần đất diện tích 15.247,6m² tại các thửa 466, 468, 469 và phần đất diện tích 5.195,7m² tại thửa 433 bằng số tiền 306.649.500đồng.

Giá trị hàng hóa bà Dương Thị Phương Q quản lý là 15.000.000đồng.

Buộc ông L hoàn lại phần giá trị tài sản bà Dương Thị Phương Q được chia là quyền sử dụng đất số tiền 306.649.500đồng.

Buộc bà Dương Thị Phương Q có trách nhiệm hoàn lại phần giá trị tài sản ông Dương Đức L được chia là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 số tiền 100.000.000đồng và giá trị hàng hóa số tiền 15.000.000đồng. Cộng chung là 115.000.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Đức L yêu cầu chia giá trị hàng hóa bằng số tiền 800.000.000đồng và công sức đóng góp 200.000.000đồng.

4/ Về nợ chung:

Buộc ông Dương Đức L có trách nhiệm giao trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT – Chi nhánh Bạc Liêu số tiền vốn vay 400.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 150HB/2019/HĐTDHM-CN ngày 14/11/2019. Trường hợp ông Dương Đức L không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 5HB/HĐTC-2017 ngày 16/11/2017.

Buộc bà Dương Thị Phương Q có trách nhiệm giao trả cho bà Dương Thị Thanh Ng số tiền vốn vay 500.000.000đồng và số tiền lãi 175.000.000đồng. Cộng chung là 675.000.000đồng.

Buộc ông Dương Đức L có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Dương Thị Phương Q số tiền nợ chênh lệch là 137.500.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, lệ phí Tòa án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2021, ông Dương Đức L làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn và luật sư của nguyên đơn cho rằng, về việc nuôi con chung Tòa án cấp sơ thẩm đã xét điều kiện nuôi con cũng như thực tế của các bên đương sự từ đó giao cho chị Q nuôi dưỡng 2 con chung là phù hợp, hiện nay các cháu đã phát triển tốt và rất ổn định, phía nguyên đơn cũng vẫn thực hiện tốt đối

với việc tạo điều kiện cho bị đơn chăm sóc nuôi con, vì vậy phía nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo về việc đòi được nuôi con chung.

Về việc các phân mà bị đơn yêu cầu giao lại tài sản cho nguyên đơn thì phía luật sư của nguyên đơn thấy không khả thi để thực hiện được, vì phía bị đơn có đủ điều kiện để quản lý cũng như là xử lý các tài sản về đất đai cũng như liên quan đến các vấn đề nợ. Nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn và Luật sư của bị đơn cho rằng, ông L có nhu cầu được nuôi con chung trong đó ông đề nghị được nuôi một con chung sinh năm 2016, vợ chồng ông có 2 con đều là trai, điều kiện ông có đủ điều kiện để bảo đảm việc nuôi con chung.

Ngoài ra về phần đất phía ông L còn cho rằng tổng diện tích khoảng 20.000m² ở vị trí nhà của gia đình bà Q vì vậy giao cho phía nhà bà Q quản lý, sử dụng, sở hữu là phù hợp, ông xin nhận lại phần giá trị, đối với các phần nợ khác cũng như các phần tài sản khác thì bà Q sẽ xử lý thay ông.

Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng về phần tài sản Viện Kiểm sát đề nghị đối với phần đất thì mỗi bên sẽ được nhận phân nửa trên cơ sở là định giá đất ở tại thời điểm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của ông Dương Đức L làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc thuận tình ly hôn và cho các bên đương sự được ly hôn, các bên đương sự không kháng cáo nên phần này đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con chung, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Thực tế ông L và bà Q đều có điều kiện để nuôi các con chung, 2 con chung của

ông bà đều là giới tính nam. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Q nuôi 2 con chung là chưa phù hợp với thực tế và điều kiện nuôi con chung của 2 bên đương sự và cũng chưa đúng quy định pháp luật về hôn nhân gia đình như đã viện dẫn, do đó có cơ sở để chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo này của phía ông L. Giao cho ông L nuôi 1 con chung là phù hợp, mỗi người sẽ phải nuôi 1 con chung và không ai phải chịu đối với số tiền cấp dưỡng về việc nuôi con, tạo điều kiện để cho các bên được đến thăm nom con và chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với tranh chấp về phần diện tích đất là tài sản chung, phần diện tích đất này có 2 thửa gồm: Diện tích 15.247,6m² và diện tích 5.195,7m², cộng chung là 20.443,3m².

Theo tài liệu định giá của Tòa án cấp sơ thẩm thì giá trị đất là 30.000đồng/1m² thành tiền 613.299.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia giá trị cho mỗi người được 1/2 là 306.649.500đồng, trong đó giao đất cho phía ông L được quyền sử dụng và sở hữu, ông L sẽ hoàn tiền lại cho phía bà Q. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông L không đồng ý nhận đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện ngừng phiên tòa cho bà Q và ông L suy nghĩ để xác định việc nhận hiện vật hay là nhận giá trị. Do bà Q và ông L không ai đồng ý nhận hiện vật và phần đất này có một con đường nước để dẫn nước vào tưới tiêu, nên không thể chia tài sản theo hiện vật làm hai phần được, do đó có cơ sở để Tòa án tuyên phát mãi đối với phần diện tích đất nêu trên, giao cho Cơ quan Thi hành án thực hiện các trình tự thủ tục phát mãi ở giai đoạn thi hành án, nếu phát mãi giá trị là bao nhiêu thì sẽ chia thành hai phần tiền cho 2 bên đương sự là phù hợp.

[2.4] Đối với xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 94C-035.91 thì các bên đương sự thống nhất giá trị là 200.000.000đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia giá trị thành 2 phần là mỗi người được 100.000.000đồng giao cho bà Q quản lý sở hữu chiếc xe này và hoàn lại 100.000.000đồng cho phía ông L là phù hợp, các bên đương sự không kháng cáo về phần này.

[2.5] Đối với giá trị hàng hóa tại cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp Phương Diệu, bà Q xác định toàn bộ giá trị hàng hóa còn lại là 30.000.000đồng, ông L thì cho rằng giá trị đầu tư là hơn 800.000.000đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông L không đưa ra được những tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho giá trị còn lại đối với hàng hóa là 800.000.000đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị hàng hóa còn lại là 30.000.000đồng và chia làm hai phần là tài sản chung vợ chồng là phù hợp.

Ông L kháng cáo phần này, nhưng tại cấp phúc thẩm ông cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] Đối với phần nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT số tiền 400.000.000đồng, ông L đã cung cấp tài liệu để xác định trả cho ngân hàng 400.000.000đồng vào ngày 24/11/2021, bà Q cũng đồng ý sẽ hoàn lại số tiền 200.000.000đồng trong phần của bà cho ông L, phần này các bên đương sự đã thống nhất và đồng ý đối với việc hoàn lại số tiền nêu trên nên Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận.

[2.7] Đối với nợ vay của bà Dương Thị Thanh Ng số tiền 500.000.000đồng và lãi 175.000.000đồng, cộng chung là 675.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định mỗi người phải chịu trả $\frac{1}{2}$ số nợ, vì là nợ chung vợ chồng là phù hợp.

Ông L kháng cáo về phần này cho rằng, đây là nợ riêng của bà Q, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập các tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình mượn nợ ông L có tham gia trực tiếp trong việc nhận số tiền này, do đó cấp phúc thẩm giữ nguyên đối với phần này.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình và dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu theo luật định.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên phía ông L không phải chịu.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Đức L. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 39, 51, 53, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị Phương Q và ông Dương Đức L.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Dương Minh T1, sinh năm 2011 cho bà Q nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung tên Dương Minh Tr, sinh năm 2016 cho ông L nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai phải lo tiền cấp dưỡng cho ai. Hai bên đương sự có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định của pháp luật, nghiêm cấm việc lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi con. Việc nuôi con các bên có quyền xin thay đổi theo quy định của pháp luật tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3/ Về tài sản chung và nợ chung:

3.1/ Đối với phần diện tích đất gồm: Diện tích 15.247,6m² và diện tích 5.195,7m², cộng chung là 20.443,3m², theo Bản vẽ hiện trạng lập ngày 20/8/2020 giao cho Cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Bạc Liêu thực hiện các thủ tục phát mãi theo quy định pháp luật, giá trị được tính từ thời điểm phát mãi, bà Q, ông L mỗi người được nhận ½ giá trị, sau khi đã trừ các chi phí và lệ phí phát mãi theo luật định.

3.2/ Đối với xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki biên kiểm soát 94C-035.91, giao cho bà Q được quyền sở hữu và bà Q có trách nhiệm giao lại cho ông L số tiền 100.000.000đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3.3/ Đối với giá trị hàng hóa tại cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp Phương Diệu, số tiền 30.000.000đồng, là tài sản chung của bà Q, ông L, mỗi người được ½ giá trị, bà Q có trách nhiệm giao cho ông L số tiền 15.000.000đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3.4/ Đối với số tiền nợ vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn CT 400.000.000đồng, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, ông L đã trả xong 400.000.000đồng cho phía ngân hàng, bà Q có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền 200.000.000đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3.5/ Đối với số tiền nợ vay của bà Dương Thị Thanh Ng gồm 500.000.000đồng vốn vay và lãi phát sinh 175.000.000đồng, cộng chung 675.000.000đồng. Bà Q, ông L mỗi người có trách nhiệm trả lại ½ số tiền trên cho bà Ng. Cụ thể bà Q, ông L mỗi người có trách nhiệm trả lại số tiền 337.500.000đồng cho bà Ng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông L, bà Q mỗi người chịu số tiền 150.000đ tương ứng với ½ mức án phí do thuận tình ly hôn.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Phương Q chịu số tiền 40.774.485đồng án phí DSST, được khấu trừ 6.550.000đồng theo biên lai thu số 0014809 ngày 06/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (do anh Bùi Việt Kh nộp thay), bà Q còn phải nộp thêm số tiền 34.224.485đồng.

Ông Dương Đức L chịu số tiền 40.774.485đồng án phí DSST, được khấu trừ 25.000.000đồng theo biên lai thu số 0014930 ngày 09/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, ông L còn phải nộp thêm số tiền 15.774.485đồng.

Bà Dương Thị Thanh Ng không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho bà Ng số tiền 12.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014825 ngày 08/5/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (do chị Tô Ngã Vang Ch nộp thay Dương Thị Phương H là đại diện theo ủy quyền của bà Ng).

6/ Về án phí phúc thẩm: Ông L không phải chịu, hoàn trả cho ông L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu số 0000016 ngày 11/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

7/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

8/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN